

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24** /2018/HNGĐ-ST

Ngày 08/11/2018

V/v tranh chấp: Xin ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÀ GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Vũ Mỹ Lệ

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Đặng Thế Phong

2. Bà Khuất Thị Toàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2018/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1972. Có mặt

**- Bị đơn:** Ông Phùng Quốc C, sinh năm 1972. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Các đương sự cùng trú tại tổ 8 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2018 và Bản tự khai ngày 22/8/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q trình bày: Bà và ông Phùng Quốc C đăng ký kết hôn ngày 11/02/1995 tại ủy ban nhân dân phường M, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Hà Giang trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện. sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình ông C tại tổ 8, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C sống không chung thủy, có quan hệ ngoại tình và có con ngoài giá thú. Ông C thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến vợ con và gia đình, không tu chí làm ăn. Tháng 4 năm 2018 ông bà đã có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, nhưng ông bà đã quay lại đoàn tụ, tạo điều kiện cho ông C suy nghĩ lại và trở về với gia đình, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng ông C không thay đổi vẫn chứng nào tật ấy. Do mâu thuẫn vợ chồng sâu sắc và tình cảm

không còn nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Bà Q nhận thấy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên bà có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông C. Ông bà có 02 con chung là Phùng Hải Đ, sinh ngày 09/6/1995 và Phùng Đăng Q1, sinh ngày 15/3/2001. Cháu Phùng Hải Đ nay đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết; Khi ly hôn bà đề nghị Tòa án xem xét ý kiến của cháu Phùng Đăng Q1 để cháu tự quyết định ở với bố hay với mẹ, ai không trực tiếp nuôi con thì phải cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng. Về tài sản ông bà tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết; Ông bà không có công nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/9/2018, bị đơn ông Phùng Quốc C trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Q có đăng ký kết hôn ngày 11/02/1995 trên cơ sở tình nguyện. Về thời gian chung sống và thời gian, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn bà Q trình bày là đúng. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng lỗi là do bản thân ông gây ra. Nay bà Q có đơn xin ly hôn ông nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông được ly hôn. Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Phùng Hải Đ và Phùng Đăng Q1 như bà Q trình bày là đúng, cháu Đ đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết; Ông nhất trí giao cháu Q1 cho bà Q nuôi dưỡng, giáo dục. Ông nhất trí cấp dưỡng cho cháu Q1 5.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Q1 trưởng thành. Về tài sản ông bà tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết; Ông bà không có công nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 10/9/2018 của cháu Phùng Đăng Q1, cháu có ý kiến như sau: Hiện nay cháu đang học lớp 12 tại trường PTTH Trần Quốc Tuấn, thành phố Hà Nội. Bố mẹ không hòa hợp, xin ly hôn cháu không có ý kiến gì, cháu đề nghị sau khi ly hôn cháu được ở với mẹ là Nguyễn Thị Q.

Ngày 19/10/2018 ông Phùng Quốc C đã có đơn đề nghị vắng mặt, vì lý do hiện nay ông đi làm ăn xa không có mặt ở nhà nên ông không thể có mặt tại Tòa án được, ông nhất trí ly hôn và các yêu cầu của bà Q. Ông xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa.

Do ông C có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Q rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc cấp dưỡng nuôi con. Bà xin được ly hôn ông C, về nuôi con thì theo nguyện vọng của con, nếu được nuôi con bà không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con bà để ông C tự nguyện, không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết; Về tài sản, công nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q có đơn khởi kiện “Xin ly hôn” với bị đơn là ông Phùng Quốc C; ông C có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 8 phường

T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Do đó Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ngày 19/10/2018 ông C đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vắng mặt ông C là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Q và ông Phùng Quốc C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Ông bà đã có một thời gian dài chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông C không chung thủy, có quan hệ ngoại tình, đã được vợ con và gia đình khuyên bảo nhiều lần, ông C thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến vợ con và gia đình, không tu chí làm ăn. Tháng 4 năm 2018 ông bà đã có đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, vợ chồng đã quay lại đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng ông C không thay đổi. Do mâu thuẫn trở nên trầm trọng và tình cảm vợ chồng không còn nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, mỗi người sống một nơi, không quan tâm gì đến nhau.

Xét thấy, hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Nguyễn Thị Q được ly hôn Phùng Quốc C là có căn cứ.

[4] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà Q ông C có 02 con chung là Phùng Hải Đ, sinh ngày 09/6/1995 và Phùng Đăng Q1, sinh ngày 15/3/2001. Đối với cháu Phùng Hải Đ đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét; cháu Phùng Đăng Q1 có nguyện vọng được ở với mẹ, ông C cũng nhất trí giao cháu Q1 cho bà Q nuôi dưỡng, giáo dục, do đó áp dụng khoản 2 Điều 81 giao cháu Phùng Đăng Q1 cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q1 đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa bà Q xin rút yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đương sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, **Điều 82, Điều 83** của Luật Hôn nhân và gia

đình; **điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết** số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Q được ly hôn ông Phùng Quốc C.

2. Về con chung: Giao cháu Phùng Đăng Q1, sinh ngày 15/3/2001 cho bà Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Q1 đủ 18 tuổi; Ông Phùng Quốc C không phải cấp dưỡng nuôi con; Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn bà Q đã nộp nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 00931, ngày 21 tháng 8 năm 2018.

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phùng Quốc C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND TP;
- Các đương sự;
- CCTHADS TP;
- UBND phường M;
- Lưu HS-BP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Mỹ Lệ**